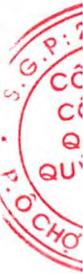




Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

Báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin Công ty	2 - 3
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Bảng cân đối kế toán	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13
Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 45

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (“Công ty”) là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội. Công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102041157 ngày 15 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 4 ngày 11 tháng 11 năm 2024. Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 9 năm 2024.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- ▶ Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- ▶ Quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện;
- ▶ Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- ▶ Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 12, Tòa nhà số 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội. Công ty có một (1) văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Lê Quốc Minh	Chủ tịch
Ông Chu Hồng Kiên	Thành viên
Bà Lâm Thị Minh Thúy	Thành viên (từ ngày 3 tháng 4 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Như Trang	Thành viên (đến ngày 2 tháng 4 năm 2025)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Đoàn Kim Dung	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 3 tháng 4 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên (từ ngày 3 tháng 4 năm 2025)
Bà Nguyễn Minh Đức	Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 2 tháng 4 năm 2025)
Bà Đoàn Thu Trang	Thành viên (đến ngày 2 tháng 4 năm 2025)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Chu Hồng Kiên

Ông Giang Trung Kiên

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty vào ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Lê Quốc Minh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Chu Hồng Kiên - Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 148/2024/GUQ-MBC của ông Lê Quốc Minh ngày 30 tháng 9 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH KPMG là công ty kiểm toán cho Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 7 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Chu Hồng Kiên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 9 tháng 3 năm 2026



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 9 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 7 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-02-00129-26-1



Đàm Xuân Lâm
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0861-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2026

Lê Nhật Vương
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3849-2022-007-1

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
	TÀI SẢN			
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 150)		615.929.386.692	506.897.314.089
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	98.543.338.823	286.932.626.048
111	1. Tiền		3.543.338.823	932.626.048
112	2. Các khoản tương đương tiền		95.000.000.000	286.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	482.365.483.862	206.344.333.688
121	1. Đầu tư ngắn hạn		493.914.342.159	206.454.797.882
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(11.548.858.297)	(110.464.194)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		33.881.517.708	12.355.635.133
132	2. Trả trước cho người bán	7	532.300.000	206.750.000
134	4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	8	31.856.652.845	11.295.495.761
135	5. Các khoản phải thu khác	9	1.492.564.863	853.389.372
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.139.046.299	1.264.719.220
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.139.046.299	1.264.719.220
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260)		86.219.008.336	94.637.496.668
220	II. Tài sản cố định		15.933.058.382	10.763.694.382
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	4.994.258.618	75.974.424
222	Nguyên giá		9.631.845.897	4.527.689.897
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.637.587.279)	(4.451.715.473)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	10.938.799.764	10.687.719.958
228	Nguyên giá		21.473.230.000	17.554.730.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.534.430.236)	(6.867.010.042)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		69.440.000.000	83.150.938.740
258	3. Đầu tư dài hạn khác	12	69.440.000.000	83.150.938.740
260	IV. Tài sản dài hạn khác		845.949.954	722.863.546
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	562.958.274	439.871.866
268	3. Tài sản dài hạn khác	14	282.991.680	282.991.680
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		702.148.395.028	601.534.810.757

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

<i>Mã số</i>	<i>Chi tiêu</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2025 VND</i>	<i>31/12/2024 VND</i>
	NGUỒN VỐN			
300	A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)		37.468.897.851	15.482.519.629
310	I. Nợ ngắn hạn		37.468.897.851	15.482.519.629
312	2. Phải trả người bán		677.480.079	307.456.780
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	6.624.133.565	7.078.118.893
315	5. Phải trả người lao động		17.304.688.563	6.004.286.493
319	8. Phải trả phải nộp khác	16	10.342.234.064	1.223.761.430
323	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	2.520.361.580	868.896.033
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	664.679.497.177	586.052.291.128
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		356.174.500.000	356.174.500.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		100.000.000	100.000.000
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		308.404.997.177	229.777.791.128
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		702.148.395.028	601.534.810.757

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
005	5. Ngoại tệ các loại (nguyên tệ)		319.855	319.855
	USD		11.855	11.855
	JPY		308.000	308.000
006	6. Chứng khoán lưu ký của Công ty Quản lý Quỹ		265.165.990.000	51.367.720.000
	Trong đó:			
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		265.165.990.000	51.367.720.000
020	7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty Quản lý quỹ		139.460.702.100	146.910.256.000
030	8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	20	2.837.939.054.530	304.865.397.222
031	8.1 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		2.837.939.054.530	304.865.397.222
040	9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	21	10.077.863.118.020	7.442.846.463.507
041	9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước		10.077.863.118.020	7.442.846.463.507
050	10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	22	304.310.510.629	166.706.842.998
051	11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	23	38.281.526.947	30.285.928.957

Ngày 9 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Người kiểm soát

Người phê duyệt

Trần Thị Ngoan
Kế toán

Phạm Thị Thu Hương
Phụ trách kế toán

Hoàng Nguyễn Quỳnh Trang
Quyền Giám đốc tài chính

Chu Hồng Kiên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
01	1. Doanh thu	24	175.601.247.122	44.857.346.989
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01)		175.601.247.122	44.857.346.989
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn dịch vụ cung cấp	25	48.684.739.178	27.927.837.807
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)		126.916.507.944	16.929.509.182
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	69.016.250.616	68.699.636.269
22	7. Chi phí tài chính	27	21.156.056.080	1.177.404.950
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	16.840.710.406	13.171.083.687
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25}		157.935.992.074	71.280.656.814
31	10. Thu nhập khác		203.366.236	204.561.812
32	11. Chi phí khác		142.500.000	55.237.948
40	12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		60.866.236	149.323.864
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		157.996.858.310	71.429.980.678
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	33.185.881.434	14.049.466.889
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)		124.810.976.876	57.380.513.789
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	30	3.294	1.514

Ngày 9 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Người kiểm soát

Người phê duyệt






Trần Thị Ngoan
Kế toán

Phạm Thị Thu Hương
Phụ trách kế toán

Hoàng Nguyễn Quỳnh Trang
Quyền Giám đốc tài chính

Chu Hồng Kiên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(phương pháp trực tiếp)

B03-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		661.744.494.699	638.635.582.933
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(771.778.769.470)	(389.204.256.710)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(22.656.327.898)	(17.216.867.227)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	29	(34.626.866.270)	(9.861.348.984)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		26.324.709.359	8.416.651.028
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(26.939.274.711)	(22.891.047.817)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(167.932.034.291)	207.878.713.223
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(9.283.406.000)	(7.356.900.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	830.000.000
23	3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(77.363.774.120)	(602.099.611.139)
24	4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác		79.743.454.839	627.356.775.902
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(69.440.000.000)	(44.647.515.550)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		85.552.989.045	8.663.083.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.063.446.257	25.077.034.438
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		22.272.710.021	7.822.866.651

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

B03-CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông		(42.740.940.000)	(17.982.308.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(42.740.940.000)	(17.982.308.750)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)		(188.400.264.270)	197.719.271.124
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		286.932.626.048	89.200.732.334
61	Ảnh hưởng của thay đổi đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		10.977.045	12.622.590
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	5	98.543.338.823	286.932.626.048

Ngày 9 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Người kiểm soát

Người phê duyệt






Trần Thị Ngoan
Kế toán

Phạm Thị Thu Hương
Phụ trách kế toán

Hoàng Nguyễn Quỳnh Trang
Quyền Giám đốc tài chính

Chu Hồng Kiên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ
HỮU

B05-CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		1/1/2024	1/1/2025	2024		2025		31/12/2024	31/12/2025
		VND	VND	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	356.174.500.000	356.174.500.000	-	-	-	-	356.174.500.000	356.174.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		100.000.000	100.000.000	-	-	-	-	100.000.000	100.000.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	20.667.550	(20.667.550)	12.861.790	(12.861.790)	-	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối	18	191.666.209.424	229.777.791.128	57.380.513.789	(19.268.932.085)	124.810.976.876	(46.183.770.827)	229.777.791.128	308.404.997.177
Tổng cộng		547.940.709.424	586.052.291.128	57.401.181.339	(19.289.599.635)	124.823.838.666	(46.196.632.617)	586.052.291.128	664.679.497.177

Ngày 9 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu



Trần Thị Ngoan
Kế toán

Người kiểm soát



Hoàng Nguyễn Quỳnh Trang
Quyền Giám đốc tài chính




Chu Hồng Kiên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

1. CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (“Công ty”) là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội. Công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102041157 ngày 15 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 4 ngày 11 tháng 11 năm 2024, Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 9 năm 2024.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm các hoạt động sau:

- ▶ Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- ▶ Quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện;
- ▶ Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- ▶ Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đang quản lý năm (5) quỹ đầu tư là Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital (“MBVF”), Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB (“MBBOND”), Quỹ Đầu tư Rhodium Venture Capital, Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship (“BMFF”), Quỹ đầu tư trái phiếu dòng tiền linh hoạt MB (“MBAM”) và hai (2) quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện là Quỹ MB An Khang, Quỹ MB Thịnh Vượng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024, vốn cổ phần của Công ty là 356.174.500.000 VND. Mệnh giá của một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 12, Tòa nhà số 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội. Công ty có một (1) văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 38 người, trong đó có 14 người được cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 35 người, trong đó có 16 người được cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ).

Danh sách nhân viên có Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>STT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Số giấy phép</i>	<i>Ngày cấp</i>
1	Đoàn Kim Dung	00052/QLQ	27/02/2009
2	Giang Trung Kiên	000547/QLQ	01/02/2011
3	Hà Anh Tùng	001058/QLQ	20/12/2013
4	Phan Thị Tú Linh	001143/QLQ	01/10/2014
5	Bạch Thế Phong	001783/QLQ	22/05/2019
6	Bùi Thị Trang Nhung	001782/QLQ	22/05/2019
7	Trần Minh Ngọc	001849/QLQ	11/11/2019
8	Nguyễn Hữu Phú	001940/QLQ	05/10/2020
9	Nguyễn Kim Khánh	001983/QLQ	13/05/2021
10	Chu Hồng Kiên	002266/QLQ	10/10/2023
11	Bùi Hương Liên	001846/QLQ	30/10/2023
12	Nguyễn Huy Tùng	002333/QLQ	23/11/2023
13	Phạm Lê Hoàng	002530/QLQ	19/04/2024
14	Lương Văn Hoàn	002789/QLQ	14/03/2025

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ (“Thông tư 125”) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Do vậy, báo cáo tài chính này không nhằm mục đích sử dụng của các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

3. CAM KẾT TUÂN THỦ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định báo cáo tài chính kèm theo được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 125 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính bao gồm đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư tài chính dài hạn.

Đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn; và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng, trừ phần tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng đã được ghi nhận ở khoản mục “Tiền và các khoản tương đương tiền”.

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào chứng chỉ quỹ với mục đích đầu tư dài hạn.

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế cộng với các chi phí mua (giá gốc). Sau đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

4.3. Dự phòng giảm giá chứng khoán và các khoản đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán niêm yết hoặc đã đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước, được tự do mua bán trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính và có giá trị thực tế trên thị trường giảm so với giá hạch toán trên sổ sách kế toán.

Giá trị thị trường của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán đã niêm yết (bao gồm cả cổ phiếu, chứng chỉ quỹ) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố;

Mức trích dự phòng như sau:

Mức trích dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	=	Giá trị khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm trích lập dự phòng	-	Số lượng chứng khoán doanh nghiệp đang sở hữu tại thời điểm trích lập dự phòng	X	Giá chứng khoán thực tế trên thị trường
--	---	---	---	--	---	---

Dự phòng cho các khoản đầu tư khác vào các tổ chức kinh tế trong nước được lập trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán, căn cứ vào báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính.

Mức trích dự phòng như sau:

Mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư	=	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của doanh nghiệp tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng	X	Vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng	-	Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế, nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng
--	---	--	---	---	---	---

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

4.4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) trong thời gian nắm giữ.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án thì doanh nghiệp tự dự kiến mức tổn thất không thu hồi được (tối đa bằng giá trị khoản nợ đang theo dõi trên sổ kế toán) để trích lập dự phòng. Chi phí dự phòng được ghi nhận vào khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán, Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi, trừ trường hợp có các bằng chứng khách quan cho thấy khả năng thu hồi khoản nợ là không chắc chắn.

4.5. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận theo giá gốc.

4.6. Tài sản cố định

Tài sản cố định, bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình, được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hoặc hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Khấu hao và hao mòn tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Tài sản khác	4 năm
Phần mềm máy vi tính	3 - 8 năm

4.8. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- ▶ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- ▶ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- ▶ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được hạch toán vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” thuộc vốn chủ sở hữu, sau đó được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào cuối năm.

4.9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4.10. *Vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được trích lập các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt.

4.11. *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích từ lợi nhuận giữ lại theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

4.12. *Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác*

Vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi phải thu của khoản đầu tư ủy thác, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác cũng như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

4.13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí tư vấn đầu tư chứng khoán, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thường hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý danh mục đầu tư trên cơ sở dồn tích.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán với giá vốn của chứng khoán và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch bán chứng khoán đã được hoàn tất.

Giá vốn của các khoản chứng khoán bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nắm giữ dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng tiền nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

4.14. Dự phòng

Ngoài các khoản dự phòng được trình bày tại Thuyết minh 4.3 và 4.4, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

4.16. Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

4.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm Ngân hàng mẹ, các công ty con của Ngân hàng mẹ và các quỹ đầu tư do Công ty quản lý.

4.18. Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư 125 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

4.19. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Do đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt tại quỹ	359.340.035	348.362.990
Tiền gửi không kỳ hạn	3.183.998.788	584.263.058
Các khoản tương đương tiền (*)	95.000.000.000	286.000.000.000
	<u>98.543.338.823</u>	<u>286.932.626.048</u>

(*) Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng, được hưởng lãi suất từ 4,70%/năm đến 4,75%/năm (31/12/2024: từ 4,10% đến 4,70%/năm).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2025</u>		<u>31/12/2024</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị VND</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị VND</u>
Đầu tư cổ phiếu				
Cổ phiếu niêm yết	9.381.599	146.424.889.354	3.926.652	54.613.753.384
<i>Bao gồm các mã giảm giá</i>				
<i>ACB</i>	1.752.000	42.187.340.195	3.249	68.063.086
<i>PGC</i>	2.083.600	28.361.151.759	2.083.600	30.080.277.442
<i>IJC</i>	3.345.999	37.017.332.153	1.826.700	24.256.444.214
Cổ phiếu chưa niêm yết	145.000	43.500.000	145.000	43.500.000
Đầu tư trái phiếu				
Trái phiếu niêm yết	1.713.500	185.301.358.475	121.012	12.097.537.821
<i>Bao gồm các mã giảm giá</i>				
<i>DSE125018</i>	599.000	64.808.794.122	-	-
<i>HDB125012</i>	570.000	60.023.641.973	-	-
<i>SHB125010</i>	295.500	32.616.424.481	-	-
<i>MSN123008</i>	249.000	27.852.497.899	-	-
Đầu tư khác				
Chứng chỉ quỹ	6.666.931,42	86.079.390.232	6.666.931,42	86.079.390.232
Chứng chỉ quỹ đóng	2.304.347,83	24.815.334.098	-	-
Hợp đồng tiền gửi		-		38.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi		51.249.870.000		15.620.616.445
Tổng cộng		<u>493.914.342.159</u>		<u>206.454.797.882</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(11.548.858.297)		(110.464.194)
		<u>482.365.483.862</u>		<u>206.344.333.688</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>2025</u> <u>VND</u>	<u>2024</u> <u>VND</u>
Số dư đầu năm	110.464.194	507.981.411
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	11.438.394.103	(397.517.217)
Số dư cuối năm	<u>11.548.858.297</u>	<u>110.464.194</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2025</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2024</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Phần mềm Bravo	405.000.000	-
Công ty Luật TNHH PTN	64.800.000	-
Công ty TNHH INTECHNO Hà Nội	62.500.000	206.750.000
	<u>532.300.000</u>	<u>206.750.000</u>

8. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	<u>31/12/2025</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2024</u> <u>VND</u>
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư	2.440.714.713	1.354.937.795
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	29.415.938.132	9.940.557.966
	<u>31.856.652.845</u>	<u>11.295.495.761</u>

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2025</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2024</u> <u>VND</u>
Dự thu lãi tiền gửi	235.835.616	688.736.986
Dự thu lãi trái phiếu	691.523.767	149.515.399
Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi	565.205.480	15.136.987
	<u>1.492.564.863</u>	<u>853.389.372</u>



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Biến động của tài sản cố định hữu hình cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.454.593.705	2.728.735.700	288.360.492	56.000.000	4.527.689.897
Tăng trong năm	49.000.000	5.055.156.000	-	-	5.104.156.000
Số dư cuối năm	1.503.593.705	7.783.891.700	288.360.492	56.000.000	9.631.845.897
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	1.447.727.214	2.728.735.700	226.967.603	48.284.956	4.451.715.473
Khấu hao trong năm	22.189.966	98.294.700	57.672.096	7.715.044	185.871.806
Số dư cuối năm	1.469.917.180	2.827.030.400	284.639.699	56.000.000	4.637.587.279
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	6.866.491	-	61.392.889	7.715.044	75.974.424
Số dư cuối kỳ	33.676.525	4.956.861.300	3.720.793	-	4.994.258.618

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Biến động của tài sản cố định hữu hình cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	<i>Máy móc thiết bị</i> VND	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i> VND	<i>Thiết bị văn phòng</i> VND	<i>Tài sản khác</i> VND	<i>Tổng cộng</i> VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.454.593.705	4.772.075.700	288.360.492	56.000.000	6.571.029.897
Thanh lý trong năm	-	(2.043.340.000)	-	-	(2.043.340.000)
Số dư cuối năm	1.454.593.705	2.728.735.700	288.360.492	56.000.000	4.527.689.897
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	1.330.018.217	3.636.708.375	169.295.507	34.284.956	5.170.307.055
Khấu hao trong năm	117.708.997	328.833.919	57.672.096	14.000.000	518.215.012
Thanh lý trong năm	-	(1.236.806.594)	-	-	(1.236.806.594)
Số dư cuối năm	1.447.727.214	2.728.735.700	226.967.603	48.284.956	4.451.715.473
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	124.575.488	1.135.367.325	119.064.985	21.715.044	1.400.722.842
Số dư cuối năm	6.866.491	-	61.392.889	7.715.044	75.974.424

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng với giá trị là 4.239.329.405 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 4.080.239.405 VND).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Biến động của tài sản cố định hữu hình năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	<i>Phần mềm máy tính</i>	
	<i>31/12/2025</i>	<i>31/12/2024</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	17.554.730.000	10.085.580.000
Tăng trong năm	3.918.500.000	859.900.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	6.609.250.000
Số dư cuối năm	21.473.230.000	17.554.730.000
Hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	6.867.010.042	4.194.031.818
Hao mòn trong năm	3.667.420.194	2.672.978.224
Số dư cuối năm	10.534.430.236	6.867.010.042
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	10.687.719.958	5.891.548.182
Số dư cuối năm	10.938.799.764	10.687.719.958

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng với giá trị là 5.736.400.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 317.750.000 VND).

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>31/12/2025</i>		
	<i>Tỷ lệ đầu tư (%)</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị VND</i>
Chứng chỉ quỹ BMFF	14,39	4.529.790,96	66.440.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	6,00	300.000	3.000.000.000
			69.440.000.000
	<i>31/12/2024</i>		
	<i>Tỷ lệ đầu tư (%)</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị VND</i>
Chứng chỉ quỹ BMFF	26,50	4.529.094,18	47.416.488.740
Chứng chỉ quỹ RVCF	29,13	3.350.000	35.734.450.000
			83.150.938.740

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2025</u> VND	<u>31/12/2024</u> VND
Phí trả trước dài hạn	320.434.534	282.647.943
Chi phí công cụ, dụng cụ	242.523.740	157.223.923
	<u>562.958.274</u>	<u>439.871.866</u>

14. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2025</u> VND	<u>31/12/2024</u> VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	<u>282.991.680</u>	<u>282.991.680</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2025</u> VND	<u>31/12/2024</u> VND
Thuế thu nhập cá nhân	2.325.144.640	1.347.964.049
Thuế giá trị gia tăng	20.729.648	10.910.731
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 29)	4.278.259.277	5.719.244.113
	<u>6.624.133.565</u>	<u>7.078.118.893</u>

16. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	<u>31/12/2025</u> VND	<u>31/12/2024</u> VND
Nhận đặt cọc thực hiện hợp đồng từ khách hàng	8.850.000.000	-
Phải trả hoa hồng giới thiệu sản phẩm	1.437.092.385	1.178.892.531
Phải trả khác	55.141.679	44.868.899
	<u>10.342.234.064</u>	<u>1.223.761.430</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<i>31/12/2025</i> <i>VND</i>	<i>31/12/2024</i> <i>VND</i>
Số dư đầu kỳ	868.896.033	7.392.743.595
Trích lập trong kỳ	3.442.830.827	1.460.207.085
Sử dụng trong kỳ	(1.791.365.280)	(7.984.054.647)
Số dư cuối năm	2.520.361.580	868.896.033

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Vốn đầu tư của</i> <i>chủ sở hữu</i> <i>VND</i>	<i>Thặng dư vốn</i> <i>cổ phần</i> <i>VND</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i> <i>chưa phân phối</i> <i>VND</i>	<i>Tổng cộng</i> <i>VND</i>
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	356.174.500.000	100.000.000	191.666.209.424	547.940.709.424
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	57.380.513.789	57.380.513.789
Chia cổ tức năm 2023	-	-	(17.808.725.000)	(17.808.725.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.460.207.085)	(1.460.207.085)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	356.174.500.000	100.000.000	229.777.791.128	586.052.291.128
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	124.810.976.876	124.810.976.876
Chia cổ tức năm 2024 (*)	-	-	(42.740.940.000)	(42.740.940.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.442.830.827)	(3.442.830.827)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	356.174.500.000	100.000.000	308.404.997.177	664.679.497.177

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCD-MBC ngày 3 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt chia cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ chia cổ tức 12% trên vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

19. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<i>31/12/2025 và 31/12/2024</i>	
	<i>Số cổ phiếu</i>	<i>VND</i>
Vốn cổ phần được duyệt	35.617.450	356.174.500.000
Vốn cổ phần đã phát hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	35.617.450	356.174.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	35.617.450	356.174.500.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

20. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Chi tiết tiền gửi của các nhà đầu tư ủy thác tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	<i>31/12/2025</i>	<i>31/12/2024</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Nhà đầu tư 1	903.510.987.624	-
Nhà đầu tư 2	504.270.394.688	-
Nhà đầu tư 3	39.949.323.208	137.892.915.248
Nhà đầu tư 4	8.111.598.846	11.380.520
Nhà đầu tư 5	5.339.198.403	3.498.673.112
Nhà đầu tư 6	5.258.887.614	457.658.587
Nhà đầu tư 7	4.800.000.000	-
Các nhà đầu tư khác	1.366.698.664.147	163.004.769.755
	2.837.939.054.530	304.865.397.222

Biến động tiền gửi của các nhà đầu tư ủy thác trong năm như sau:

	<i>2025</i>	<i>2024</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Số dư đầu năm	304.865.397.222	28.086.363.645
Tăng trong năm	172.653.736.385.621	10.549.372.461.610
Giảm trong năm	(170.120.662.728.313)	(10.272.593.428.033)
Số dư cuối năm	2.837.939.054.530	304.865.397.222

21. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước		
- Cổ phiếu niêm yết	1.176.424.945.352	1.188.684.991.495
(Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá/rủi ro)		
ACB	14.188.994.820	-
BID	9.989.294.500	-
DPG	1.175.424.250	-
FPT	7.992.034.050	-
GAS	-	3.227.465.115
HCM	9.034.820.795	-
HDG	985.609.624	-
HPG	7.962.404.450	33.458.452.160
IJC	26.234.648.253	196.431.935
MSB	468.217.750	-
NLG	936.885.950	6.651.914.428
PGC	13.764.017.024	13.764.017.024
PHR	-	9.649.682.480
PLX	53.145.793.626	36.362.993.184
QNS	52.953.286.636	-
QTP	143.914.574.136	158.270.151.150
SBT	-	18.231.960.487
TCI	2.311.258.950	988.737.006
VCB	6.340.799.500	-
VEA	56.527.206.768	43.846.756.405
VHC	3.854.050.200	-
VHM	-	51.726.966.160
VIB	56.956.617.318	-
VNM	64.137.977.858	30.298.228.527
VPB	-	28.479.485.943
VRE	-	58.161.344.512
- Cổ phiếu chưa niêm yết	155.300.000.000	165.225.000.000
- Chứng chỉ quỹ	25.177.680.000	21.777.680.000
- Trái phiếu niêm yết	460.139.848.263	387.639.136.542
(Chi tiết trái phiếu niêm yết bị giảm giá/rủi ro)		
HDB125012	15.102.465.766	-
TD1934191	-	10.105.212.943
TD2151042	13.000.000.000	-
TD2232114	8.158.378.003	-
TD2333117	12.645.975.615	-
TD2338132	-	25.566.291.675
- Trái phiếu chưa niêm yết	4.910.431.897.961	5.241.994.655.470
(Chi tiết trái phiếu chưa niêm yết bị giảm giá/rủi ro)		
CTG12133	80.072.452.348	80.072.452.348
HDB12330	200.000.000.169	200.000.000.169
NLPLH203201	31.145.844.639	31.145.844.639
VCB12101	100.003.546.003	100.003.546.003
VCM0520.17	-	30.525.019.514

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	<u>31/12/2025</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2024</u> <u>VND</u>
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước		
VCM0520.19	-	13.134.115.289
VCM0520.20	-	22.941.074.042
VCM0520.24	-	59.138.576.800
VCM0520.25	-	21.072.521.965
VCM0520.27	-	25.354.284.887
VCM0520.29	-	16.135.162.947
VCM0520.30	-	62.794.141.543
- Tiền gửi có kỳ hạn	720.664.000.000	337.525.000.000
- Chứng chỉ tiền gửi	2.629.724.746.444	100.000.000.000
	10.077.863.118.020	7.442.846.463.507

22. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<u>31/12/2025</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2024</u> <u>VND</u>
Phải thu tiền cổ tức	341.000.000	10.040.200.000
Phải thu lãi trái phiếu	132.185.983.092	116.547.507.580
Phải thu tiền bán chứng khoán và thu khác	131.004.320.287	21.218.245.886
Phải thu lãi tiền gửi	40.779.207.250	18.900.889.532
	304.310.510.629	166.706.842.998

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<u>31/12/2025</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2024</u> <u>VND</u>
Phải trả tiền mua chứng khoán	9.187.458.280	21.207.745.284
Phải trả phí quản lý cho Công ty	25.544.431.167	7.310.995.459
Phải trả phí ngân hàng lưu ký	511.282.047	447.379.667
Phải trả khác	3.038.355.453	1.319.808.547
	38.281.526.947	30.285.928.957

24. DOANH THU

	<u>2025</u> <u>VND</u>	<u>2024</u> <u>VND</u>
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	22.606.974.556	12.524.122.658
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	108.113.657.526	30.354.756.440
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	37.800.000.000	-
Doanh thu từ phí phát hành, mua lại chứng chỉ quỹ	7.080.615.040	1.978.467.891
	175.601.247.122	44.857.346.989

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>2025</u> <u>VND</u>	<u>2024</u> <u>VND</u>
Chi phí lương, phụ cấp, thù lao, bảo hiểm	29.813.814.235	16.440.216.159
Chi phí quản lý quỹ và danh mục đầu tư chứng khoán	10.301.021.789	3.883.605.499
Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý	709.744.133	667.935.307
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.853.292.000	3.191.193.236
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.006.867.021	3.744.887.606
	<u>48.684.739.178</u>	<u>27.927.837.807</u>

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2025</u> <u>VND</u>	<u>2024</u> <u>VND</u>
Lãi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	56.358.976.241	51.531.916.848
Thu nhập cổ tức từ cổ phiếu	749.628.742	3.592.338.576
Thu nhập từ giảm vốn tại quỹ thành viên	1.599.423.917	-
Thu nhập lãi trái phiếu	1.577.720.599	5.342.087.327
Thu nhập lãi tiền gửi	8.706.511.872	7.869.782.365
Doanh thu hoạt động tài chính khác	23.989.245	363.511.153
	<u>69.016.250.616</u>	<u>68.699.636.269</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>2025</u> <u>VND</u>	<u>2024</u> <u>VND</u>
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	9.056.750.161	1.090.161.876
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 6)	11.438.394.103	(397.517.217)
Chi phí tài chính khác	660.911.816	484.760.291
	<u>21.156.056.080</u>	<u>1.177.404.950</u>

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>2025</u> <u>VND</u>	<u>2024</u> <u>VND</u>
Chi phí lương, phụ cấp, thù lao, bảo hiểm	8.988.856.912	7.749.141.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.093.739.620	1.298.068.239
Thuế, phí và lệ phí	79.083.737	114.018.525
Chi phí khác	5.679.030.137	4.009.855.579
	<u>16.840.710.406</u>	<u>13.171.083.687</u>

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>2025</u> <u>VND</u>	<u>2024</u> <u>VND</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.185.881.434	14.023.377.245
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	26.089.644
	33.185.881.434	14.049.466.889

Đối chiếu thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm như sau:

	<u>2025</u> <u>VND</u>	<u>2024</u> <u>VND</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	157.996.858.310	71.429.980.678
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(749.628.742)</i>	<i>(3.592.338.576)</i>
<i>Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>8.697.232.567</i>	<i>2.295.889.195</i>
<i>Điều chỉnh khác</i>	<i>(15.054.965)</i>	<i>(16.645.070)</i>
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	165.929.407.170	70.116.886.227
<i>Thuế suất thuế TNDN</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>	<i>33.185.881.434</i>	<i>14.023.377.245</i>
<i>Điều chỉnh tăng thuế TNDN phải trả năm trước</i>	<i>-</i>	<i>26.089.644</i>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	33.185.881.434	14.049.466.889
Thuế TNDN phải trả đầu năm	5.719.244.113	1.531.126.208
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(34.626.866.270)	(9.861.348.984)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	4.278.259.277	5.719.244.113

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ kế toán hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	<u>2025</u> <u>VND</u>	<u>2024</u> <u>VND</u>
Lợi nhuận thuần trong năm	124.810.976.876	57.380.513.789
Số phân bổ ước tính vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	<u>(7.488.658.613)</u>	<u>(3.442.830.827)</u>
	<u>117.322.318.263</u>	<u>53.937.682.962</u>

(*) Công ty ước tính số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 6% lợi nhuận sau thuế trong năm 2025 (2024: 6%).

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	<u>2025</u> <u>VND</u>	<u>2024</u> <u>VND</u>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	<u>35.617.450</u>	<u>35.617.450</u>

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>2025</u> <u>VND</u>	<u>2024</u> <u>VND</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.294</u>	<u>1.514</u>

31. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng trong công tác quản trị của Công ty. Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như tổng hợp dưới đây.

31.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khác. Các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư trái phiếu. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi suất của công ty như sau:

	<u>31/12/2025</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2024</u> <u>VND</u>
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	98.183.998.788	286.584.263.058
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	-	38.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	51.249.870.000	15.620.616.445
	<u>149.433.868.788</u>	<u>340.204.879.503</u>
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi</i>		
Trái phiếu niêm yết	185.301.358.475	12.097.537.821
	<u>185.301.358.475</u>	<u>12.097.537.821</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, mỗi thay đổi 1% lãi suất sẽ làm tăng 1.482.410.868 VND lợi nhuận sau thuế của Công ty (31/12/2024: 96.780.303 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc tiền tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đánh giá rủi ro tiền tệ là không đáng kể do do số dư công cụ tài chính bằng ngoại tệ là không trọng yếu.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư.

Cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 giá trị thị trường của cổ phiếu niêm yết nắm giữ bởi Công ty là 145.091.909.250 VND (31/12/2024: 58.521.808.300 VND). Nếu giá thị trường của các cổ phiếu này tăng hoặc giảm 7% đối với cổ phiếu niêm yết trên sàn HOSE và 15% đối với cổ phiếu giao dịch trên sàn UPCOM tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với tất cả các biến số khác không thay đổi thì có thể làm tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế của Công ty tương ứng là 8.125.146.918 VND (31/12/2024: 3.277.221.265 VND).

31.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo tài chính trên cơ sở từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Kế toán và bộ phận Đầu tư theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Tổng giá trị số sách của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	98.183.998.788	286.584.263.058
<i>Tiền gửi không kỳ hạn</i>	<i>3.183.998.788</i>	<i>584.263.058</i>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>	<i>95.000.000.000</i>	<i>286.000.000.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	38.000.000.000
Trái phiếu niêm yết	185.301.358.475	12.097.537.821
Chứng chỉ tiền gửi	51.249.870.000	15.620.616.445
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	31.856.652.845	11.295.495.761
Các khoản phải thu khác	1.492.564.863	853.389.372
	368.084.444.971	364.451.302.457

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

31.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do chênh lệch trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của công cụ tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<i>Dưới 1 năm VND</i>	<i>Từ 1 - 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Tiền và các khoản tương đương tiền	98.543.338.823	-	98.543.338.823
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
- gộp	493.914.342.159	-	493.914.342.159
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	31.856.652.845	-	31.856.652.845
Các khoản phải thu khác	1.492.564.863	-	1.492.564.863
Đầu tư dài hạn khác	-	69.440.000.000	69.440.000.000
Tài sản dài hạn khác	-	282.991.680	282.991.680
	625.806.898.690	69.722.991.680	695.529.890.370
Phải trả người bán	677.480.079	-	677.480.079
Phải trả phải nộp khác	10.342.234.064	-	10.342.234.064
	11.019.714.143	-	11.019.714.143
Chênh lệch thanh khoản ròng	614.787.184.547	69.722.991.680	684.510.176.227

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	<i>Dưới 1 năm VND</i>	<i>Từ 1 - 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	286.932.626.048	-	286.932.626.048
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
- gộp	206.454.797.882	-	206.454.797.882
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	11.295.495.761	-	11.295.495.761
Các khoản phải thu khác	853.389.372	-	853.389.372
Đầu tư dài hạn khác	-	83.150.938.740	83.150.938.740
Tài sản dài hạn khác	-	282.991.680	282.991.680
	505.536.309.063	83.433.930.420	588.970.239.483
Phải trả người bán	307.456.780	-	307.456.780
Phải trả phải nộp khác	1.223.761.430	-	1.223.761.430
	1.531.218.210	-	1.531.218.210
Chênh lệch thanh khoản ròng	504.005.090.853	83.433.930.420	587.439.021.273

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

31.4. Tài sản bảo đảm

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản vay và nợ nào và không sử dụng bất kỳ tài sản nào của Công ty nhằm bảo đảm cho bất kỳ khoản vay và nợ nào của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư của Công ty với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm bao gồm:

		<i>31/12/2025</i>	<i>31/12/2024</i>
	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Phải thu/ (Phải trả)</i>	<i>Phải thu/ (Phải trả)</i>
		<i>VND</i>	<i>VND</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	Ngân hàng mẹ		
Tiền gửi tại MB		45.042.780.839	266.389.789.256
Phải thu lãi tiền gửi		34.123.287	331.252.055
Phải trả dịch vụ khác		(82.629)	(82.629)
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Hà Nội	Cùng Ngân hàng mẹ		
Tiền gửi tại MBV		50.000.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi		201.712.329	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	Cùng Ngân hàng mẹ		
Tiền gửi giao dịch chứng khoán		3.078.465.036	97.197.203
Phải trả dịch vụ khác		(7.203.729)	(42.427)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC)	Cùng Ngân hàng mẹ		
Phải thu phí quản lý danh mục		381.668.565	568.388.003
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản MB (MB AMC)	Cùng Ngân hàng mẹ		
Phải thu tiền đặt cọc thuê văn phòng		252.991.680	252.991.680
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas Life (MBAL)	Cùng Ngân hàng mẹ		
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư		4.193.447.342	3.096.751.531
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship (BMFF)	Quỹ đầu tư do Công ty quản lý		
Đầu tư tài chính dài hạn		66.440.000.000	47.416.488.740
Phải thu phí quản lý		754.954.750	326.709.457
Quỹ Đầu tư Rhodium Venture Capital (RVCF)	Quỹ đầu tư do Công ty quản lý		
Đầu tư tài chính dài hạn		-	35.734.450.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn		24.815.334.098	-
Phải thu phí quản lý		91.312.723	205.711.135
Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB (MBBOND)	Quỹ đầu tư do Công ty quản lý		
Đầu tư tài chính ngắn hạn		86.079.390.232	86.079.390.232
Phải thu phí quản lý		283.273.481	249.044.294

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

		<i>31/12/2025</i>	<i>31/12/2024</i>
		<i>Phải thu/ (Phải trả) VND</i>	<i>Phải thu/ (Phải trả) VND</i>
Quỹ đầu tư trái phiếu dòng tiền linh hoạt MB (MBAM) Phải thu phí quản lý	Quỹ đầu tư do Công ty quản lý	872.646.860	399.159.716
Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital (MBVF) Phải thu phí quản lý	Quỹ đầu tư do Công ty quản lý	405.526.899	174.313.193

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các giao dịch của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

	<i>Mối quan hệ</i>	2025 VND	2024 VND
Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	Ngân hàng mẹ		
Doanh thu từ lãi và phí		6.666.922.876	3.667.977.737
Phí giao dịch và phí khác		(19.534.900)	(10.913.100)
Trả cổ tức trong năm		38.794.800.000	(16.164.500.000)
Gửi tiền có kỳ hạn trong năm		735.000.000.000	844.000.000.000
Rút tiền có kỳ hạn trong năm		(956.000.000.000)	(666.500.000.000)
Thu nhập khác		86.000.000	200.000.000
Ngân hàng TNHH Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Hà Nội	Cùng Ngân hàng mẹ		
Doanh thu từ lãi và phí		201.712.329	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	Cùng Ngân hàng mẹ		
Doanh thu từ lãi và phí		14.618.769	15.724.987
Phí giao dịch chứng khoán và phí khác		(526.439.091)	(317.419.445)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC)	Cùng Ngân hàng mẹ		
Doanh thu từ phí quản lý danh mục		6.190.868.917	4.863.653.203
Phí bảo hiểm và phí khác		(170.032.700)	(131.528.400)
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (MB AMC)	Cùng Ngân hàng mẹ		
Chi phí thuê văn phòng		(3.108.885.120)	(3.360.907.372)
Chi phí dịch vụ mua ngoài		(284.319.659)	-
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (MBAL)	Cùng Ngân hàng mẹ		
Phí quản lý danh mục		18.424.913.797	15.468.811.383
Quỹ ĐT Tăng Trưởng Bordier – MB Flagship (BMFF)	Quỹ đầu tư do Công ty quản lý		
Phí quản lý		6.042.475.668	3.075.111.202
Mua Chứng chỉ quỹ		66.440.000.000	8.948.800.000
Bán Chứng chỉ quỹ		63.990.073.445	8.750.700.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	<i>Mối quan hệ</i>	2025 VND	2024 VND
Quỹ đầu tư trái phiếu dòng tiền linh hoạt MB (MBAM)	Quỹ đầu tư do Công ty quản lý		
Phí quản lý		8.474.535.966	1.989.464.765
Mua Chứng chỉ tiền gửi		77.363.774.120	15.620.616.445
Mua Trái phiếu niêm yết		50.254.379.700	-
Bán Trái phiếu niêm yết		40.860.238.016	126.743.934.257
Quỹ Đầu tư Rhodium Venture Capital (RVCF)	Quỹ đầu tư do Công ty quản lý		
Phí quản lý		1.436.192.216	2.454.874.530
Quỹ Đầu tư Trái Phiếu MB (MBBOND)	Quỹ đầu tư do Công ty quản lý		
Phí quản lý		3.140.635.605	2.779.383.027
Bán Chứng chỉ tiền gửi		15.780.000.000	-
Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital (MBVF)	Quỹ đầu tư do Công ty quản lý		
Phí quản lý		3.513.135.101	2.225.289.134

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB thực hiện chi trả thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát căn cứ theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-MBC ngày 3 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó tỷ lệ chi trả thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT và BKS là 3% lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty. Thương cho các thành viên HĐQT và BKS áp dụng theo quy định tại Quy chế hiện hành của Công ty.

Thu nhập của Ban Giám đốc được chi trả theo Quy chế Lương của Công ty.

Lương và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	2025	2024
	VND	VND
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao		
Ông Lê Quốc Minh	1.432.314.254	439.123.100
Bà Nguyễn Thị Ngọc	-	362.112.900
Ông Phan Phương Anh	-	144.845.000
Ông Chu Hồng Kiên	308.075.672	121.603.400
Bà Nguyễn Thị Như Trang	63.241.221	221.880.800
Bà Lâm Thị Minh Thúy	277.427.746	-
Ban Kiểm soát		
Thù lao	1.510.029.107	431.434.800
Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương		
Ông Chu Hồng Kiên – Tổng Giám đốc	288.000.000	262.400.000
Ông Giang Trung Kiên – Phó Tổng Giám đốc	252.360.000	244.800.000
Lương và thù lao	4.131.448.000	2.228.200.000

33. PHÍ DỊCH VỤ ĐÃ TRẢ VÀ PHẢI TRẢ CHO CÔNG TY KIỂM TOÁN

	2025	2024
	VND	VND
Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính	69.000.000	65.000.000
Phí cho các dịch vụ khác (gồm các dịch vụ phi đảm bảo và soát xét thông tin tài chính)	42.000.000	40.000.000
	111.000.000	105.000.000

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Ngày 9 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Người kiểm soát



Người phê duyệt

Trần Thị Ngoan
Kế toán

Phạm Thị Thu Hương
Phụ trách kế toán

Hoàng Nguyễn Quỳnh Trang
Quyền Giám đốc tài chính

Chu Hồng Kiên
Tổng Giám đốc

Số: 218/CV- MB Capital

V/v Giải trình biến động KQKD của
Năm 2025 so với Năm 2024

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- Căn cứ khoản 4, Điều 14 của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về Công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán;

- Căn cứ vào Báo cáo tài chính Năm 2025 của Công ty CP Quản Lý Quỹ Đầu tư MB;

Công ty CP Quản Lý Quỹ Đầu tư MB xin giải trình về Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Năm 2025 so với Năm 2024, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Chênh lệch	Biến động
Lợi nhuận sau thuế TNDN	124,810,976,876	57,380,513,789	67,430,463,087	117.51%

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Năm 2025 tăng 117.51% so với Năm 2024 chủ yếu do trong kỳ Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh tăng 291.74% so với cùng kỳ năm trước.

Công ty CP Quản Lý Quỹ Đầu tư MB kính giải trình để Quý Ủy Ban được biết!

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Trần Thị Ngoan

Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)



Phạm Thị Thu Hương



Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Chu Hồng Kiên